

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-9-2017  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Tiên Mãn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Tảo

Ông Bùi Đức Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Vi Thị Kim T- Sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Đội 2 T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: K, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

*Bị đơn:* Anh Đỗ Văn N- Sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Đội 2 T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, vắng mặt anh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Vi Thị Kim T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Văn N vào ngày 31 tháng 8 năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau. Anh N thường cờ bạc, rượu chè không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Chị và anh N sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 12 năm 2012

cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có hai con chung là cháu Đỗ Hà B - Sinh ngày 08/9/2009 và cháu Đỗ Quốc H - Sinh ngày 29/12/2011. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, để anh N nuôi dưỡng cháu H; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân chị và anh N không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh N và tiến hành báo gọi nhiều lần nhưng anh N không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã thu thập chứng cứ, được địa phương và chị gái của anh N là chị Đỗ Thị L cho biết: Anh Đỗ Văn N và chị Vi Thị Kim T kết hôn ngày 31/8/2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh N chủ yếu là do anh N nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác; chị T đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 7/2014 cho đến nay. Anh N và chị T có hai con chung như chị T trình bày là đúng; anh N và chị T không có tài sản chung. Theo chị L cung cấp thì tất cả các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án gửi cho anh N, chị L đã thông báo và chuyển lại cho anh N; anh N đã biết được việc chị T xin ly hôn nhưng vì bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H. Chính quyền xã Y, huyện Y và chị L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Do anh N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn chị Vi Thị Kim T và anh Đỗ Văn N chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát; anh N và chị T đã ly thân từ lâu. Vì vậy đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình giải quyết để chị T được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hà B - Sinh ngày 08/9/2009; anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Quốc H - Sinh ngày 29/12/2011 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82 và Điều 83

Luật hôn nhân và gia đình. Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ anh Đỗ Văn N đến Tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án đã tiếp tục thực hiện tổng đạt, thông báo đầy đủ, hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng anh N vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Vi Thị Kim T và anh Đỗ Văn N được xác lập vào ngày 31/8/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng và thiếu niềm tin ở nhau dẫn đến xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Chị T đã đưa cháu Đỗ Hà B về nhà bố mẹ đẻ sinh sống anh, chị sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 7 năm 2014 cho đến nay. Anh N biết được việc chị T gửi đơn đến Tòa án xin được ly hôn, nhưng anh không đến Tòa án để làm việc, điều đó chứng tỏ anh N bỏ mặc, không còn thiết tha hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; xử cho anh, chị ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hà B - Sinh ngày 08/9/2009 để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Quốc H - Sinh ngày 29/12/2011. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi sống ly thân anh, chị đã tự phân chia chị T nuôi cháu B, anh N nuôi cháu H; cháu B có nguyện vọng tiếp tục được ở với chị T; để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T và anh N có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Vi Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vi Thị Kim T và anh Đỗ Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Vi Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hà B - Sinh ngày 08/9/2009; anh Đỗ Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Quốc H - Sinh ngày 29/12/2011. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Vi Thị Kim T phải nộp là 300.000đ. Đối trừ với số tiền 300.000đ chị Thoa đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/08242, ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Chị Vi Thị Kim T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Vi Thị Kim T được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn N được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu: HS, VP.

**(Đã ký)**

**Vũ Tiến Mãn**